

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ V  
TỈNH B**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/HNGĐ-ST

Ngày 20-01-2022

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH B**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Yến Oanh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hà Văn Trường

2. Ông Đặng Song Hoàn

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh B.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh B tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Hiên – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh B tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 717/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2021 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị H, sinh năm 1968, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Mạnh D, sinh năm 1965, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Số 215/37 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường TT, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – V.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:*

Bà Trần Thị H và ông Nguyễn Mạnh D tự nguyện chung sống vào năm 1988, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 04-01-1988 tại UBND phường Thanh Bình, thành phố H, tỉnh HD nhưng do bị mất nên xin đăng cấp lại theo giấy chứng nhận kết hôn số 61/2017 ngày 29-8-2017.

Quá trình chung sống hạnh phúc được thời gian đầu và sinh được hai con chung. Cuộc sống chung không có hạnh phúc vì ông D thường xuyên rượu chè bê tha, cờ bạc, trai gái và hay đánh đập vợ con, bà H phải đứng ra trả nợ thay cho ông D. Vì vậy, bà H nhiều lần nộp đơn ly hôn thì ông D xin cho cơ hội sửa đổi nên bà H xin rút đơn về đoàn tụ. Tuy nhiên ông D vẫn tiếp tục cờ bạc, rượu chè dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt.

Xét thấy cuộc sống chung không thể kéo dài được nữa tình cảm vợ chồng không còn, bà H yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Mạnh D.

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Tiến D, sinh ngày 21-12-1988 và Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 14-12-1991, các con đã trưởng thành nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu giải quyết.

*Theo bản khai và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Mạnh D trình bày:*

Ông Nguyễn Mạnh D và bà Trần Thị H có thời gian tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, có tổ chức cưới và đăng ký đăng ký kết hôn tại UBND phường Thanh Bình, thành phố H, tỉnh HD ngày 04-01-1988 nhưng do bị thất lạc giấy chứng nhận kết hôn nên ông bà xin đăng cấp lại theo giấy chứng nhận kết hôn số 61/2017 ngày 29-8-2017.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 2 người con chung, tuy nhiên thời gian gần đây vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do ông bà không hiểu nhau, bất đồng quan điểm, không còn quan tâm đến nhau.

Trước yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà H, ông D không đồng ý ly hôn vì ông bà đã lớn tuổi và không muốn làm ảnh hưởng đến các con khi vợ chồng ly hôn.

Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà H cho ông bà ly hôn thì về con chung có 02 con chung là Nguyễn Tiến D, sinh ngày 21-12-1988 và Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 14-12-1991, các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông D không yêu cầu giải quyết.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V phát biểu quan điểm:*

Về trình tự thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt, niêm yết hợp lệ nhưng nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí nguyên đơn phải nộp toàn bộ theo quy định.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục, thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự có nơi cư trú tại thành phố V nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:*

[2.1]. Xét về quan hệ hôn nhân: Bà H, ông D tự nguyện chung sống từ năm 1988, có đăng ký kết hôn theo quy định được UBND phường Thanh Bình, thành phố H, tỉnh HD cấp nhưng do bị thất lạc bản chính giấy chứng nhận nên xin đăng cấp lại theo giấy chứng nhận kết hôn số 61/2017 ngày 29-8-2017. Qua thời gian chung sống giữa hai ông bà không còn hạnh phúc, phía bà H cho rằng do ông D thường xuyên rượu chè bê tha có thái độ xúc phạm vũ phu với vợ con, mặt khác ông D còn cờ bạc bà H nhiều lần phải thanh toán nợ thay cho ông D. Quan điểm của ông D không đồng ý ly hôn vì ông bà đã lớn tuổi và không muốn làm ảnh hưởng đến các con khi vợ chồng ly hôn. Phía ông D mặc dù mong muốn đoàn tụ nhưng không có biện pháp gì để bà H thay đổi ý định ly hôn. Như vậy cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà H, ông D đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống chung không thể kéo dài, không có sự thương yêu, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau để cùng tiến bộ. Vì vậy yêu cầu của bà H xin ly hôn là có cơ sở phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Tiến D, sinh ngày 21-12-1988 và Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 14-12-1991, các con đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà H, ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí : Do bà H là nguyên đơn trong vụ án nên phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông D không phải chịu án phí.

[4]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh B là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 51, 56, 58 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H đối với ông Nguyễn Mạnh D về việc “Ly hôn”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Mạnh D.

2. Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Tiến Dũng, sinh ngày 21-12-1988 và Nguyễn Ngọc Mai, sinh ngày 14-12-1991, các con đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị H và ông Nguyễn Mạnh D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà Trần Thị H phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001343 ngày 02 tháng 11 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh B. Như vậy, bà Trần Thị H đã nộp xong án phí. Ông Nguyễn Mạnh D không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

6. Về quyền yêu cầu thi hành: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Về quyền yêu cầu thi hành: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND tỉnh B;
- VKSND TP. V;
- Chi cục THA Dân sự TP V;
- UBND phường Thanh Bình, thành phố H, tỉnh HD;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Thị Yến Oanh**

